

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước ít biến đổi.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-17cm và cao hơn TBNN từ 30-45cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-15cm và cao hơn TBNN từ 44-58cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 25/03 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước xuống chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống nhanh theo triều trong 2 ngày đầu, sau biến đổi chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước xuống nhanh theo triều trong 2 ngày đầu, sau biến đổi chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 01/04. Đỉnh triều ở mức thấp.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 27/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									26/03	27/03	28/03	29/03	30/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	138	-6	▼	17	▲	38	▲	126	115	118	121	124
					Hmin	-10	-2	▼	20	▲	-7	▼	-12	-12	-16	-20	-24
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	144	-8	▼	10	▲	44	▲	132	121	124	127	130
					Hmin	-27	-4	▼	12	▲	1	▲	-29	-29	-33	-37	-41
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	126	-2	▼	10	▲	29	▲	121	110	112	114	116
					Hmin	45	-3	▼	31	▲	20	▲	43	43	39	35	31
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	150	-8	▼	5	▲	44	▲	138	127	130	133	136
					Hmin	-17	-5	▼	7	▲	-8	▼	-19	-19	-23	-27	-31
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	163	-7	▼	15	▲	58	▲	151	140	143	146	149
					Hmin	-24	-5	▼	10	▲	15	▲	-26	-26	-30	-34	-38
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	149	-6	▼	11	▲	44	▲	137	126	129	132	135
					Hmin	-24	-5	▼	10	▲	-4	▼	-26	-26	-30	-34	-38
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	42	-1	▼	-6	▼	9	▲	45	47	46	45	45
					Hmin	14	-3	▼	-2	▼	6	▲	12	10	8	6	4
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	30	-1	▼	-7	▼	5	▲	32	34	35	32	28
					Hmin	24	-1	▼	-2	▼	2	▲	25	26	24	21	18
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	36	-1	▼	-8	▼	-3	▼	38	40	41	38	34
					Hmin	29	-1	▼	-6	▼	-4	▼	30	31	29	26	23
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	37	-1	▼	-8	▼	3	▲	39	41	42	39	35
					Hmin	32	-1	▼	-5	▼	3	▲	33	34	32	29	26
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	45	-1	▼	-8	▼	3	▲	47	49	50	47	43
					Hmin	39	-1	▼	-5	▼	2	▲	40	41	39	36	33
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	51	0	◀▶	-5	▼	17	▲	52	53	52	50	50
					Hmin	22	-1	▼	4	▲	10	▲	21	20	18	16	14
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	62	0	◀▶	-5	▼	29	▲	65	67	66	65	65
					Hmin	44	-2	▼	3	▲	21	▲	42	40	38	36	34
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	50	1	▲	-10	▼	10	▲	52	54	53	52	50
					Hmin	40	2	▲	-5	▼	9	▲	39	37	35	33	31
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	33	0	◀▶	-3	▼	14	▲	35	37	38	35	31
					Hmin	23	-2	▼	3	▲	10	▲	24	25	23	20	17
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	81	1	▲	-3	▼	32	▲	84	86	85	84	84
					Hmin	60	-2	▼	5	▲	27	▲	58	56	54	52	50
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	112	3	▲	5	▲	43	▲	115	117	116	115	115
					Hmin	59	-1	▼	13	▲	24	▲	57	55	53	51	49
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	78	2	▲	-2	▼	22	▲	81	83	82	81	81
					Hmin	50	0	◀▶	7	▲	15	▲	48	46	44	42	40

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	61	1	▲	-7	▼	12	▲	64	66	67	65	63
					Hmin	44	0	◀▶	1	▲	10	▲	46	48	45	42	39
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	42	-2	▼	-12	▼	11	▲	45	47	48	46	44
					Hmin	32	0	◀▶	-3	▼	20	▲	34	36	33	30	27
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	27	2	▲	-10	▼	-2	▼	27	26	25	23	21
					Hmin	0	14	▲	-17	▼	21	▲	-5	-3	-1	1	3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	70	-1	▼	22	▲	34	▲	65	60	55	50	45
					Hmin	-31	6	▲	-9	▼	3	▲	-34	-32	-30	-28	-26

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





